|  |  |
| --- | --- |
| HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**QUY ĐỊNH**

**Hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng**

**và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

*(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số /2019/NQ-HĐND*

*ngày  tháng  năm 2019 của của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, bao gồm: Đầu tư xây dựng mới công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cống và kiên cố kênh mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Thủy lợi nhỏ là công trình thủy lợi có nhiệm vụ tích trữ nước, cấp nước, tưới, tiêu, thoát nước có quy mô nhỏ hơn: 20 ha đối với vùng miền núi; 100 ha đối với vùng đồng bằng.

2. Thủy lợi nội đồng là công trình kênh, mương, rạch, đường ống dẫn nước tưới, tiêu nước trong phạm vi từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác.

3. Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng là việc áp dụng quy trình kỹ thuật và thiết bị tiên tiến để tưới theo phương pháp nhỏ giọt, phun mưa, tưới ngầm, bảo đảm cấp nước theo nhu cầu của cây trồng cạn hoặc tưới ướt - khô xen kẽ cho cây lúa phù hợp từng giai đoạn sinh trưởng kết hợp với các biện pháp canh tác tiên tiến trong nông nghiệp.

4. Tổ chức thủy lợi cơ sở là tổ chức của những người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cùng hợp tác đầu tư xây dựng hoặc quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

**Chương II**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước**

1. Nội dung chính sách hỗ trợ:

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được miễn tiền thuê đất khi nhà nước cho thuê đất xây dựng công trình;

b) Tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được hỗ trợ 100% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công nhưng không quá 200 triệu đồng/công trình.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng;

b) Đối với chính sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, công trình tích trữ nước đảm bảo cấp nước, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tối thiểu 03 thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; được tất cả các thành viên hưởng lợi đồng thuận đóng góp phần kinh phí còn lại; tổ chức thủy lợi cơ sở tự quản lý, khai thác công trình sau đầu tư.

**Điều 5. Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước**

1. Nội dung chính sách hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha;

b) Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở;

b) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

c) Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Điều 6. Hỗ trợ đầu tư xây dựng cống và kiên cố kênh mương**

1. Nội dung chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 70% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/công trình, riêng vùng trung du, miền núi hỗ trợ tối đa 90%, mức hỗ trợ không quá 250 triệu đồng/công trình;

2. Chính sách quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

**Điều 7. Nguồn kinh phí hỗ trợ**

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện chính sách thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan.

2. Ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác.

**Điều 8. Cơ chế hỗ trợ**

1. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư như sau:

a) Khi khối lượng công việc đạt 60%, được giải ngân 50%;

b) Khi khối lượng công việc đạt 100%, được giải ngân 100%.

2. Trường hợp cùng thời gian, nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Trách nhiệm thi hành**

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết hồ sơ và thủ tục nhận hỗ trợ; chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện Quy định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH** |